**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KÌ II**

**NĂM HỌC 2020-2021**

# MÔN: SINH HỌC 10

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (7 điểm)**

**Câu 1.1:**Hô hấp tế bào?

A.Là qt chuyển hóa năng lượng của các nguyên liệu hữu cơ thành NL của ATP. B.Là qt chuyển hóa năng lượng của các nguyên liệu vô cơ thành NL của ATP. C.Là qt chuyển hóa vật chất và năng lượng của các nguyên liệu hữu cơ .

D.Là qt chuyển hóa năng lượng của các nguyên tử thành NL của ATP.

**Câu 1.2:**Quá trình hô hấp tế bào diễn ra chủ yếu ở bào quan?

A. Ty thể. B. Ribôxôm. C. Lục lạp. D. lizôxôm.

**Câu 2.1:**Các giai đoạn chính của qt hô hấp?

A. Đường phân, chu trình Crep,chuỗi truyền electron hô hấp.

B. nguyên phân, chu trình Crep,chuỗi truyền electron hô hấp.

C. Đường phân, giảm phân,chuỗi truyền electron hô hấp.

D. giảm phân, chu trình Crep,chuỗi truyền electron hô hấp.

**Câu 2.2:**Chuỗi truyền electron hô hấp diễn ra ở:

A. màng trong ty thể. B. màng ngoài ty thể.

C. chất nền strôma D.màng tilacôit.

**Câu 3.1:**phương trình tổng quát của qt hô hấp tế bào?

A. C6H12O6 + 6 O2 6 CO2 + 6H2O + NL (ATP + nhiệt)

B. 6 CO2 + 6H2O  C6H12O6 + 6 O2 + NL (ATP + nhiệt) C.C6H12O5 + 6 O2 6 CO2 + 6H2O + NL (ATP + nhiệt)

D. C6H12O4 + 6 O2 6 CO2 + 6H2O + NL (ATP + nhiệt)

**Câu 4.1:**Trong hô hấp tế bào,g đoạn đường phân xảy ra ở đâu trong tế bào?

A.Tế bào chất. B. màng ngoài ty thể. C. chất nền. D.màng trong ty thể.

**Câu 4.2:**Trong hô hấp tế bào,giai đoạn thu được nhiều ATP nhất là:

A.chuỗi truyền electron hô hấp. B.Đường phân.

C.chu trình Crep. D.Lên men.

**Câu 5.1:**Quang hợp là quá trình:

A.Sử dụng năng lượng ánh sáng để tổng hợp chất hữu cơ từ các nguyên liệu vô cơ. B.Sử dụng năng lượng ánh sáng để tổng hợp chất vô cơ từ các nguyên liệu hữu cơ. C.Sử dụng năng lượng ánh sáng để tổng hợp chất phức tạp từ các chất đơn giản.

D.Sử dụng năng lượng ánh sáng tím-đỏ để tổng hợp chất hữu cơ từ vô cơ.

**Câu 5.2:** Pha sáng của quang hợp diễn ra ở bào quan nào?

A. Lục lạp B. Ti thể C. Thể gôn ghi D. Mạng lưới nội chất

**Câu 6.1:** Pha sáng của quang hợp diễn ra ở vị trí nào trong lục lạp?

A. Ở màng trong. B. Ở màng ngoài. C. Ở chất nền strôma D. Ở tilacôit.

**Câu 6.2:** Pha sáng của quang hợp diễn ra ở vị trí nào trong lục lạp?

A. Ở màng trong. B. Ở màng ngoài. C. Ở màng giữa D. Ở tilacôit.

**Câu 6.3:** Sản phẩm của pha sáng gồm có:

A. ATP, NADPH. B. ATP, NADPH và CO2 C. ATP, NADPH và O2 D. ATP, NADP+ và O2

**Câu 6.4:** Sản phẩm của pha sáng cung cấp cho pha tối gồm có:

A. ATP, NADPH. B. ATP, NADPH và CO2 C. ATP, NADPH và O2 D. ATP, NADP+

**Câu 7.1:**phương trình tổng quát của quang hợp?

A. C6H12O6 + 6 O2 6 CO2 + 6H2O + NL (ATP + nhiệt)

B. CO2 + H2O + NL ánh sáng  (CH2O) + O2 C.C6H12O5 + 6 O2 6 CO2 + 6H2O + NL (ATP + nhiệt)

D. C6H12O4 + 6 O2 6 CO2 + 6H2O + NL (ATP + nhiệt)

**Câu 8.1:** Sản phẩm của pha sáng gồm có:

A. ADP, NADPH.

B. ADP, NADPH và O2

C. ATP, NADPH và O2

D. ATP, NADP+

**Câu 8.2:** Sản phẩm của pha tối gồm có:

A. C6H12O6.

B. ATP, NADPH và CO2

C. ATP, NADPH và O2

D. ATP, NADP+

**Câu 9.1:** Chu kì tế bào là:

A. Thời gian tế bào sống của tế bào

B. Thời gian giảm phân của tế bào

C. Thời gian nguyên phân của tế bào

D. Thời gian giữa 2 lần nguyên phân

**Câu 9.2:** Chu kì tế bào gồm:

A. Kì trung gian và quá trình phân bào.

B. Kì trung gian và pha S.

C.Kì trung gian và pha G2.

D. Kì trung gian và quá trình nguyên phân.

**Câu 10.1:** Thứ tự các kì của quá trình phân chia nhân trong nguyên phân là.

A. kì đầu → kì giữa → kì sau → kì cuối

B. kì đầu → kì sau → kì giữa → kì cuối

C. kì đầu → kì giữa → kì cuối → kì sau

D. kì giữa → kì đầu → kì sau → kì cuối

**Câu 10.2:** Trong nguyên phân, thì quá trình phân chia nhân gồm có:

A. 3 kì

B. 4 kì

C. 5 kì

D. 6 kì

**Câu 11**.1: ADN, NST nhân đôi ở pha nào của kì trung gian.

A. Pha G2

B. Pha G1 và S

C. Pha G1

D. Pha S

**Câu 11**.2: Diễn biến chính trong pha S ở kì trung gian là

A. Nhân đôi ADN

B. Nhân đôi NST

C. Không nhân đôi AND và NST

D. Nhân đôi ADN và NST

**Câu 11.3:** Diễn biến chính trong pha S ở kì trung gian là

A. Tổng hợp các chất hữu cơ

B. Phân huỷ các chất hữu cơ

C. Không nhân đôi AND và NST

D. Nhân đôi ADN và NST

**Câu 12.1:** Trong nguyên phân thì nhiễm sắc thể nhân đôi ở:

A. kì đầu

B. kì trung gian

C. kì sau

D. kì cuối

**Câu 12.2.** Trong nguyên phân thì nhiễm sắc thể kép bắt đầu co xoắn ở:

A. kì đầu

B. kì giữa

C. kì sau

D. kì cuối

**Câu 12.3:** Trong nguyên phân thì nhiễm sắc thể kép co xoắn cực đại ở:

A. kì đầu

B. kì giữa

C. kì sau

D. kì cuối

**Câu 12.4:** Trong nguyên phân thì nhiễm sắc tử tách nhau ra và di chuyển trên thoi phân bào về 2 cực ở:

A. kì đầu

B. kì giữa

C. kì sau

D. kì cuối

**Câu 13.1:** Từ 3 tế bào ban đàu qua 2 lần nguyên phân liên tiếp thì số lượng tế bào con sinh ra

A. 2

B. 4

C. 12

D. 8

**Câu 13.2:** Từ 1 tế bào ban đàu qua 2 lần nguyên phân liên tiếp thì số lượng tế bào con sinh ra

A. 2

B. 4

C. 6

D. 8

**Câu 13.3:** Từ 4 tế bào ban đàu qua 2 lần nguyên phân liên tiếp thì số lượng tế bào con sinh ra

A. 10

B. 16

C. 6

D. 8

**Câu 14.1:**giảm phân xảy ra ở loại tb nào sau đây? A.Tế bào sinh dưỡng.

B.Tế bào sinh dục chín.

C.Tế bào giao tử.

D.Hợp tử

**Câu 15.1:**Trong giảm phân,các NST xếp trên mp xích đạo của thoi phân bào ở: A.ki giữa I và kì giữa II.

B. ki giữa I và kì sau I.

C. ki giữa II và kì sau II.

D. ki giữa I và kì đầu II.

**Câu 16.1:**ở thời kì đầu của giảm phân II không có hiện tượng:

A.NST tiếp hợp và trao đổi chéo. B.NST co ngắn và hiện rõ dần.

C.màng nhân phồng lên và biến mất.

D.thoi tơ vô sắc bắt đầu hình thành.

**Câu 17.1**:Trong giảm phân, ở kì sau I và kì sau II có điểm giống nhau là: A.các NST đều ở trạng thái đơn.

B. các NST đều ở trạng thái kép.

C. có sự dãn xoắn của các NST.

D. có sự phân li các NST về 2 cực tế bào.

**Câu 18.1**:Trường hợp nào sau đây được gọi là giảm phân? A.Tế bào mẹ 4n tạo ra các tb con có bô NST 2n.

B.Tế bào mẹ 2n tạo ra các tb con có bô NST 2n. C.Tế bào mẹ n tạo ra các tb con có bô NST n.

D.Tế bào vi khuẩn tạo ra các tb vi khuẩn.

**Câu 18.2**:Phân bào I của giảm phân được gọi là phân bào giảm nhiễm vì nguyên nhân nào sau đây: A.Bộ NST của tb con bằng một nửa so với tb mẹ.

B.ở kì cuối cùng bô NST có dạng sợi kép,nhả xoắn.

C.mỗi tb con đều có bộ NST đơn bội.

D.Hàm lượng AND của tb con bằng nửa tb mẹ.

**Câu 19.1:** Vi sinh vật là những

A. Cơ thể nhỏ bé, chỉ nhìn rõ chúng dưới kính hiển vi.

B. Cơ thể nhỏ bé, đơn bào nhân sơ.

C. Cơ thể nhỏ bé, đơn bào nhân thực.

D. Cơ thể nhỏ bé, đa bào.

**Câu 19.2:**Khi nói về VSV ,phát biểu nào sau đây sai?

A. VSV là những cơ thể nhỏ bé, chỉ nhìn rõ chúng dưới kính hiển vi.

B. VSV rất đa dạng nhưng lại có khu phân bố hẹp.

C. Phần lớn VSV là cơ thể đơn bào nhân sơ hoặc nhân thực.

D. VSV có khả năng hấp thụ và chuyển hóa dinh dưỡng nhanh. **Câu 20.1:**Đặc điểm nào sau đây không đúng về cấu tạo của VSV? A.Cơ thể nhỏ bé, chỉ nhìn rõ chúng dưới kính hiển vi.

B.Tất cả các VSV đều có nhân sơ. C.Một số VSV có cở thể đa bào. D.Đa só VSV có cơ thể là đa bào.

**Câu 20.2:**ý nào sau đây là đúng khi nói về quá trình lên men?

A.Lên men là quá trình chuyển hóa hiếu khí. B.Lên men là quá trình chuyển hóa kị khí.

C.Quá trình lên men có chất nhận electron cuối cùng là các phân tử vô cơ.

D.Quá trình lên men có chất nhận electron cuối cùng là NO2.

**Câu 21.1:**Căn cứ để phân biệt các kiểu dinh dưỡng ở VSV gồm:

A.Nguồn cacbon và nguồn năng lượng. B.CO2 và nguồn năng lượng

C.Anh sáng và nhiệt độ.

D.Anh sáng và nguồn cacbon.

**Câu 22.1:** Vi sinh vật sử dụng nguồn cacbon là CO2 và nguồn năng lượng là ánh sáng thì có kiểu dinh dưỡng là:

A. Quang tự dưỡng

B. Hóa tự dưỡng

C. Quang dị dưỡng

D. Hóa dị dưỡng

**Câu 22.2:** Vi sinh vật sử dụng nguồn cacbon là CO2 và nguồn năng lượng là chất vô cơ thì có kiểu dinh dưỡng là:

A.Quang tự dưỡng B.Hóa tự dưỡng C.Quang dị dưỡng D.Hóa dị dưỡng

**Câu 22.3:** Vi sinh vật sử dụng nguồn cacbon là chất hữu cơ và nguồn năng lượng là ánh sáng thì có kiểu dinh dưỡng là:

A. Quang tự dưỡng B.Hóa tự dưỡng C.Quang dị dưỡng D.Hóa dị dưỡng

**Câu 23.1:**Nguồn năng lượng cung cấp cho các hoạt động sống của tảo lục đơn bào: A.Khí CO2.

B. Chất hữu cơ.

C. Anh sáng.

D. Anh sáng và chất hữu cơ.

**Câu 24.1:**Quá trình tổng hợp polisaccarit,chất khởi đầu là:

A.Axit amin. B.Đường glucozo.

C.ADP-glucozo. D.ADP.

**Câu 25.1:**Ở VSV,lipit được tạo nên do sự kết hợp giữa các chất nào sau đây? A.Glixêrol và axit béo. B.Glixêrol và axit amin.

C.Glixêrol và axit nucleic. D.Glucozo và axit amin

**Câu 26.1:**Vi khuẩn lactic đồng hình biến đổi glucozo thành:

A.Khí CO2. B.Axit lactic. C.Axit axetic. D.Êtanol.

**Câu 26.2:**Glucozo dưới tác dụng của VK lactic dị hình có thể bị biến đổi thành:

A.Khí CO2 ,Axit lactic,etanol,Axit axetic ... B.Khí CO2 ,Axit lactic,etanol,Axit amin ... C.Axit nucleic ,Axit lactic,etanol,Axit axetic ... D.Axit amin ,Axit lactic,etanol,Axit axetic ...

**Câu 27.1:**Việc làm tương trong dân gian thực chất là tạo đk thuận lợi để VSV thực hiện qt nào sau đây?

A.Phân giải polisaccarit. B.Phân giải protein.

C.Phân giải xenlulozo. D.Lên men lactic.

**Câu 28.1:**Muối chua rau, thực chất là tạo đk để qt nào sau đây xảy ra? A.Phân giải xenlulozo, lên men lactic. B.Phân giải protein, xenlulozo. C.Lên men lactic và eetilic. D.Lên men lactic.

**Câu :** Giai đoạn quang hợp thực sự tạo nên phân tử O2 ở thực vật là giai đoạn :

A. Quang phân li nước.. B. Pha sáng C. Pha tối. D. Hô hấp

**Câu:** Giai đoạn quang hợp thực sự tạo nên phân tử O2 ở thực vật là giai đoạn :

A. Quang phân li nước.. B. Thoát hơi nước C. Pha tối. D. Hô hấp

**Câu :** Giai đoạn quang hợp thực sự tạo nên phân tử O2 ở thực vật là giai đoạn :

A. Quang phân li nước.. B. Pha sáng C. Hút nước D. Hô hấp

**Câu:** Vật chất di truyền ở cấp độ tế bào là

A. Ti thể B. Luc lạp C. Mạng lưới nội chất D. Nhiễm sắc thể

**Câu:** Vật chất di truyền ở cấp độ phân tử là

A. Ti thể B. Luc lạp C. Mạng lưới nội chất D. Phân tử ADN

**Câu :** Vật chất di truyền chủ yếu nằm ở:

A. Ngoài tế bào B. Trên màng tế bào C. Tế bào chất D. Trong nhân tế bào

**Câu**: Tế bào của ruồi giấm (2n = 8NST) ở kỳ sau của nguyên phân có:

A. 8 nhiễm sắc thể đơn B. 8 crômatit C. 16 nhiễm sắc thể kép D. 16 nhiễm sắc thể đơn

**Câu:** Tế bào của ruồi giấm (2n = 8NST) ở kỳ đầu của nguyên phân có:

A. 8 nhiễm sắc thể kép B. 8 crômatit C. 16 nhiễm sắc thể kép D. 16 nhiễm sắc thể đơn

**Câu:** Tế bào của ruồi giấm (2n = 8NST) ở kỳ giữa của nguyên phân có:

A. 8 nhiễm sắc thể kép B. 8 crômatit C. 16 nhiễm sắc thể kép D. 16 nhiễm sắc thể đơn

**Câu :** Vai trò của vi sinh vật đối với đời sống của con người là

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| A. Chỉ có lợi | B. | Chỉ có hại |
| C. Không có lợi và không có hại | D. | Vừa có lợi và vừa có hại |
| **Câu:** Trong tự nhiên, vi sinh vật có mặt ở  A. Chỉ môi trường nuước | B. | Chỉ môi trường không khí |
| C. Chỉ môi trường đất | D. | Khắp nơi |
| **II. PHẦN TỰ LUẬN: (3 điểm)**  **1.** Ý nghĩa của việc điều hòa chu kì tế bào?  **2.** Nêu ý nghĩa của quá trình nguyên phân? |  |  |

**3.** Phân biệt được hô hấp hiếu khí, hô hấp kị khí và lên men.

**4.** So sánh được các kiểu dinh dưỡng ở các nhóm vi sinh vật.

**5.** Giải thích được một số vấn đề thực tiễn như: muỗi dưa, làm sữa chua

**6.** Giải thích được một số hiện tượng trong thực tiễn như: làm tương, làm mắm…